

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ X
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 107/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 18 - 5 - 2021

V/v “Tranh chấp ly hôn, nuôi
con chung”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ X, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thùy Giang

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phan Hữu Đức

2. Bà Hồ Thị Kim Liên

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thu Thảo - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố X.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố X tham gia phiên tòa: Ông Kiều Văn Liêu - Kiểm sát viên

Ngày 18 tháng 5 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố X, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 31/2021/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 01 năm 2021 về việc “Tranh chấp ly hôn, nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 129/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 24 tháng 3 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 181/2021/QĐST-HNGĐ ngày 27 tháng 4 năm 2021, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị S, sinh năm 1985

Cư trú: Tổ 14, khóm Kh, xã M, thành phố X, tỉnh An Giang

2. *Bị đơn:* Ông Dương Hà Duy Ph, sinh năm 1979

Cư trú: Số 25H/6C, Tổ 23, khóm H2, phường H, thành phố X, tỉnh An Giang

Tại phiên tòa bà S vắng mặt (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt), ông Ph vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện và trong quá trình tố tụng, nguyên đơn bà Nguyễn Thị S trình bày:

Bà S và ông Dương Hà Duy Ph tự tìm hiểu rồi yêu và tiến đến kết hôn năm 2006, nhưng đến năm 2008 thì mới đăng ký kết hôn. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2011 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Mâu thuẫn vợ chồng xuất phát từ việc ông Ph không lo làm ăn, gây nợ bắt bà S gánh nợ; ông Ph sống ích kỷ, hay trì trích bà S, ông Ph cũng có quan hệ ngoài luồng. Cộng với mâu thuẫn giữa hai bên gia đình, gia đình ông Ph và ông Ph không biết ơn nghĩa khi gia đình bà S bỏ vốn cho làm ăn mà cứ thất bại. Từ năm 2011, bà S về nhà mẹ đẻ ở. Nay bà S kiên quyết ly hôn với ông Ph vì không còn tình cảm gì nữa.

Quá trình chung sống: Bà S và ông Ph có 02 con chung là cháu Dương Phước Th, sinh ngày 12 tháng 3 năm 2007 và cháu Dương Nguyễn Hoàng A, sinh ngày 01 tháng 01 năm 2011. Từ khi bà S bỏ đi thì các con ở với ông bà nội. Nếu mà Tòa án giải quyết ly hôn, bà S đồng ý giao con cho ông Ph nuôi, bà chỉ đồng ý cấp dưỡng cho con 1.200.000 đồng/tháng/cháu.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Dương Hà Duy Ph trình bày:

Vợ chồng ông tự tìm hiểu rồi yêu và tiến đến kết hôn năm 2006, nhưng đến năm 2008 thì mới đăng ký kết hôn. Ông và bà S chung sống hạnh phúc không hề có mâu thuẫn gì, ông luôn yêu chiều vợ, không dám lớn tiếng hay đánh một cái nào. Vậy nhưng không hiểu vì lý do gì vợ ông bỏ đi từ năm 2013 cho đến nay, ông đi tìm mấy lần gặp năn nỉ bà S quay về nhưng bà S vẫn không chịu. Khi bà S bỏ đi, cha vợ cũng đòi lại đất không cho ba cha con ông ở nữa thì ông mới đưa các con về nhà cha mẹ đẻ của ông ở cho đến nay. Vợ chồng ông không có mâu thuẫn gì cả. Ông không thể hiểu tại sao bà S bỏ đi, mà bây giờ lại chung sống với người khác. Ông rất yêu thương vợ con, chỉ biết làm chăm lo cho vợ con, không biết chơi bời gì cả. Nay ông không đồng ý ly hôn với bà S vì muốn các con có đủ cha đủ mẹ.

Quá trình chung sống: Ông với bà S có 02 con chung là cháu Dương Phước Th, sinh ngày 12 tháng 3 năm 2007 và cháu Dương Nguyễn Hoàng A, sinh ngày 01 tháng 01 năm 2011. Khi bà S bỏ đi, ông là người nuôi con cho đến nay. Nếu mà Tòa án giải quyết ly hôn, ông yêu cầu ông được tiếp tục nuôi con, ông yêu cầu bà S phải cấp dưỡng 3.000.000 đồng/tháng/cháu.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tòa án đã tiến hành tổ chức phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và tiến hành hòa giải nhưng các đương sự không hòa giải được. Do đó, Tòa án mở phiên tòa sơ thẩm xét xử công khai vụ án để Hội đồng xét xử xem xét, quyết định.

Tại phiên tòa, bà S có đơn đề nghị xét xử vắng mặt và giữ nguyên yêu cầu khởi kiện; ông Ph vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng và ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau:

- Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, là đảm bảo đúng theo trình tự quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung: bà S, ông Ph quen biết, tự nguyện tiến đến hôn nhân và có đăng ký kết hôn. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc được thời gian đầu thì phát sinh mâu thuẫn và không chung sống với nhau nữa từ năm 2011. Quá trình giải quyết vụ án, mặc dù được Tòa án tập điều kiện hòa giải nhưng bà S vẫn kiên quyết xin ly hôn với ông Ph. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn trầm trọng không thể hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 51, 56 Luật Hôn nhân gia đình để chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của nguyên đơn. Về con chung: bà S và ông Ph có hai con chung là cháu Th và Hoàng A, sau khi ly hôn bà S đồng ý giao 02 con cho ông Ph nuôi dưỡng và các con chung mong muốn được sống cùng cha. Nhằm tạo điều kiện ổn định cuộc sống tốt nhất cho các cháu nên đề nghị giao các cháu cho ông Ph nuôi dưỡng, Về mức cấp dưỡng, ông Ph yêu cầu bà S cấp dưỡng 3.000.000 đồng/tháng/cháu là vượt quá quy định pháp luật. Tuy nhiên, bà S đồng ý cấp dưỡng 1.200.000 đồng/tháng/cháu. Do đó, ghi nhận sự tự nguyện cấp dưỡng của bà S. Về tài sản chung, nợ chung không yêu cầu nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được kiểm tra, xem xét tại phiên tòa, kết quả việc tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đương sự, kiểm sát viên và các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử sơ thẩm nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Bà Nguyễn Thị S và ông Dương Hà Duy Ph kết hôn có đăng ký kết hôn; bà S khởi kiện ông Ph là người hiện đang cư trú trên địa bàn thành phố X và yêu cầu giải quyết ly hôn, con chung. Nên Hội đồng xét xử xác định quan hệ tranh chấp trong vụ án là “Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung” và vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố X, tỉnh An Giang.

[2] Về thủ tục tố tụng: Ông Ph đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Bà S có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đương sự theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung tranh chấp:

[3.1] Về quan hệ hôn nhân: bà S và ông Ph tự nguyện quen biết, tìm hiểu nhau và tiến đến hôn nhân và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M, thành phố X vào năm 2008. Bà S cho rằng đến năm 2011 vợ chồng bà bắt đầu phát sinh mâu thuẫn xuất phát từ hai vợ chồng và hai bên gia đình, vợ chồng không còn tình

cảm, bà S đã bỏ về nhà mẹ đẻ sinh sống. Còn ông Ph cho rằng giữa vợ chồng ông không có mâu thuẫn gì, ông không hiểu tại sao vợ ông bỏ đi, ông vẫn còn yêu thương vợ. Xét thấy: Để cuộc sống gia đình hạnh phúc, mục đích hôn nhân đạt được thì vợ chồng phải có tình cảm tự nguyện từ hai phía, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau. Nhưng bà S xác định không còn tình cảm với ông Ph, kiên quyết xin ly hôn, không có nguyện vọng đoàn tụ nên có đơn xin hòa giải, xét xử vắng mặt. Còn về phía ông Ph chỉ tham gia hòa giải một lần, trình bày ý kiến và vắng mặt trong quá trình hòa giải, xét xử tiếp theo, không thể hiện được sự cố gắng hàn gắn gia đình. Mặt khác, bà S và ông Ph không còn chung sống với nhau đã lâu; ông Ph cũng xác định bà S hiện đã chung sống với người khác. Những vấn đề này thể hiện mâu thuẫn của bà S và ông Ph đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, yêu cầu khởi kiện của bà S là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3.2] Về con chung: Bà S xác định bà và ông Ph có hai con chung là cháu Dương Phước Th, sinh ngày 12 tháng 3 năm 2007 và cháu Dương Nguyễn Hoàng A, sinh ngày 01 tháng 01 năm 2011. Bà S đồng ý giao hai cháu Th, Hoàng A cho ông Ph nuôi dưỡng sau khi ly hôn. Xét thấy: Ông Ph cũng yêu cầu được trực tiếp nuôi con. Hiện nay hai cháu Th, Hoàng A đang sinh sống với ông Ph, do ông Ph nuôi dưỡng và các cháu đều có ý kiến mong muốn được tiếp tục sống với ông Ph. Do đó, cần ổn định việc nuôi con để tránh ảnh hưởng đến sự phát triển về thể chất, tinh thần của hai cháu, tạo điều kiện cho các cháu phát triển bình thường; nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà S về việc nuôi con chung.

[3.3] Về việc cấp dưỡng cho con chung: Bà S tự nguyện cấp dưỡng cho hai cháu Th và Hoàng A mỗi cháu 1.200.000 đồng/tháng; nhưng ông Ph yêu cầu bà S cấp dưỡng 3.000.000 đồng/tháng/cháu. Xét thấy: Việc cấp dưỡng cho con chung là nghĩa vụ của cha mẹ đối với con nên bà S phải thực hiện nghĩa vụ này. Quá trình giải quyết vụ án bà S và ông Ph đều không cung cấp tài liệu, chứng cứ về thu nhập, khả năng thực tế của ông bà. Ông Ph tuy yêu cầu mức cấp dưỡng cao hơn nhưng không cung cấp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ chứng minh cho mức yêu cầu của mình để Tòa án làm cơ sở xem xét. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy cần ghi nhận sự tự nguyện của bà S về việc cấp dưỡng cho con chung.

[3.4] Về tài sản chung và nợ chung: Ông Ph và bà S không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về án phí: Bà S phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

- Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; các Điều 147; 227; 238; 266; 271; 273; 278; 280 Bộ luật Tố tụng Dân sự

- Các Điều 9; 51; 53; 56; 58; 81; 82; 83; 84; 107; 110; 116; 117; 118 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Bà Nguyễn Thị S được ly hôn với ông Dương Hà Duy Ph.

2. Về con chung:

Bà Nguyễn Thị S và ông Dương Hà Duy Ph có 02 (hai) con chung là cháu Dương Phước Th, sinh ngày 12 tháng 3 năm 2007 và cháu Dương Nguyễn Hoàng A, sinh ngày 01 tháng 01 năm 2011.

Ông Dương Hà Duy Ph được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, trông nom, giáo dục cháu Dương Phước Th và cháu Dương Nguyễn Hoàng A. Ông Dương Hà Duy Ph và thành viên gia đình không được cản trở bà Nguyễn Thị S trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Dương Phước Th và cháu Dương Nguyễn Hoàng A.

Bà Nguyễn Thị S có nghĩa vụ cấp dưỡng cho cháu Dương Phước Th và cháu Dương Nguyễn Hoàng A số tiền 1.200.000 đồng/tháng/cháu (một triệu hai trăm nghìn đồng một tháng đối với một cháu) cho đến khi cháu Dương Phước Th, cháu Dương Nguyễn Hoàng A thành niên, có đủ khả năng lao động và tài sản để tự nuôi mình.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không xem xét.

4. Về án phí: Bà Nguyễn Thị S phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí đối với yêu cầu ly hôn và 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí đối với nghĩa vụ cấp dưỡng cho con; tổng cộng là 600.000 đồng (sáu trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp, theo biên lai thu số 0007448 ngày 05 tháng 01 năm 2021 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố X. Bà Nguyễn Thị S còn phải nộp tiếp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng).

5. Về quyền kháng cáo: Dương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi

hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND t. An Giang (phòng KTNV-THA);
- VKSND tp. X;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS tp. X;
- UBND x. M, tp X;
- Văn phòng;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Thùy Giang